

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 10-7-2024

V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2024/TLPT-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp "Ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 54/2024/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 277/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: ấp N, xã B, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: ấp N, xã B, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: bị đơn chị Nguyễn Thị Thu V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguồn đơn anh Nguyễn Thanh P trình bày:

Anh và chị V chung sống với nhau từ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 256 ngày 29 tháng 10 năm 2002. Vợ chồng sống với nhau đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau gay gắt. Anh đã nộp đơn xin ly hôn một lần, anh không còn xem chị V là vợ anh nữa, yêu cầu Tòa giải quyết cho anh được ly hôn đơn phương với chị V.

Về con chung: có hai con tên Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 25/5/1999 và Nguyễn Thanh N1, sinh ngày 26/11/2000. Hai cháu đã trưởng thành.

Về tài sản và nợ chung: không có.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu V trình bày:

Chị xác định vợ chồng không có mâu thuẫn, do anh P đi làm xa không thường xuyên về nhà, chị ở nhà thỉnh thoảng có chăm sóc mẹ chồng. Chị còn thương chồng, thương con và lo cho mẹ chồng, hơn nữa chị đang chuẩn bị cưới vợ cho con nên chị không đồng ý ly hôn. Chị không có yêu cầu gì đối với tài sản chung.

Con chung: vợ chồng chị có hai con đã trưởng thành.

Tài sản chung và nợ chung: không có.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 54/2024/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh P.

- Về hôn nhân: anh Nguyễn Thanh P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu V.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 08/4/2024, bị đơn chị Nguyễn Thị Thu V có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Thanh P.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Thu V nộp đơn kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu V, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh Nguyễn Thanh P và chị Nguyễn Thị Thu V tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 29/10/2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Anh P cho rằng anh không còn tình cảm với chị V, vợ chồng cũng đã ly thân nhiều năm, anh đã từng nộp đơn xin ly hôn và được Tòa án động viên tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, nay anh cương quyết ly hôn với chị V. Chị V cho rằng chị vẫn còn tình cảm với anh P, vì thương con và mẹ chồng, đồng thời vì không muốn ảnh hưởng hạnh phúc đôi lứa của các con khi các con thành gia lập thất nên chị không đồng ý ly hôn với anh P.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa anh P với chị V là có thật. Mục đích cơ bản của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và bền vững; tuy nhiên, theo Biên bản xác minh ngày 12/3/2024 của Tòa án nhân dân thị xã G thì anh P với chị V đã ly thân hơn 04 năm, thời gian sống xa nhau kéo dài khiến cho việc giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng gặp nhiều khó khăn, việc xây dựng gia đình không đạt được, càng không tạo được sự bền vững trong quan hệ vợ chồng. Chị V mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng lại không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bản thân anh P đã từng nộp đơn xin ly hôn, được Tòa án động viên tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành chứng tỏ anh P đã không còn tình cảm với chị V. Tình cảm vợ chồng chỉ xuất phát từ một phía, vợ chồng ly thân trong thời gian dài, việc kéo dài hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả anh P và chị V.

Từ phân tích trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh P với chị V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P, cho anh P ly hôn với chị V là phù hợp khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: anh P và chị V có hai con chung tên Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 25/5/1999 và Nguyễn Thanh N1, sinh ngày 26/11/2000; các con chung đã thành niên nên Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét là có căn cứ.

Về tài sản chung: anh P trình bày không có, chị V không có yêu cầu gì đối với tài sản chung nên Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét trong vụ án này là có căn cứ.

Về nợ chung: anh P và chị V trình bày không có, cũng không có ai tranh chấp yêu cầu anh P và chị V trả nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét trong vụ án này là có căn cứ.

Chị **V** kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên yêu cầu kháng cáo của chị **V** không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: do yêu cầu kháng cáo của chị **Nguyễn Thị Thu V** không được chấp nhận nên chị phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị **Nguyễn Thị Thu V**.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 54/2024/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Thanh P**.

Về hôn nhân: anh **Nguyễn Thanh P** được ly hôn với chị **Nguyễn Thị Thu V**.

2. Về án phí:

Anh **Nguyễn Thanh P** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000564 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang; xem như anh đã nộp xong.

Chị **Nguyễn Thị Thu V** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000743 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang; xem như chị đã nộp xong.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã G
(nay là TAND thành phố G);
- CCTHADS thị xã G;
(nay là CCTHADS thành phố G);
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong